TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: ……./2023/KDTM -PT

Ngày: 27/6/2023

V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Liên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 100/2023/TLPT-KDTM ngày 25 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 299/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Trụ sở: phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty N1 (Theo Giấy uỷ quyền số 289/2018/UQQT-NHNA ngày 18/6/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người được uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Đoàn Ngọc K– Trưởng bộ phận xử lý nợ Miền Bắc và bà Nguyễn Thị T – Chuyên viên xử lý nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 40/2019/UQ-A ngày 17/4/2019). Ông K có mặt.

Bị đơn: Công ty D.

Trụ sở: đường C, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tôn Thất M – Giám đốc; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty D - Hà Nội: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư công ty Luật NT– Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tôn Thất M – Sinh năm 1976; có mặt.

2. Bà Dương Khánh V – Sinh năm 1973 (vợ ông M); vắng mặt.

Cùng trú tại: phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V: Ông Nguyễn Văn T – Luật sư công ty Luật NT– Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Ông Nguyễn Hồ Q – Sinh năm 1956; vắng mặt

4. Bà Vũ Thị Thanh V – Sinh năm 1959; vắng mặt

5. Anh Nguyễn Anh T – Sinh năm 1978; vắng mặt

6. Chị Lương Thu H – Sinh năm 1976; vắng mặt

7. Cháu Nguyễn Minh H – Sinh năm 1997; vắng mặt

8. Cháu Nguyễn Thanh H – Sinh năm 2005 (Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thanh H là anh Nguyễn Anh T và chị Lương Thu H).

9. Chị Nguyễn Thị Thanh H – Sinh năm 1980; vắng mặt.

10. Cháu Nguyễn Thùy L – Sinh năm 2009 (Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thuỳ L là chị Nguyễn Thị Thanh H) .

11. Anh Nguyễn Anh T – Sinh năm 1981; vắng mặt.

12. Chị Đào Thúy L – Sinh năm 1979; vắng mặt .

13. Cháu Nguyễn Thanh T1 – Sinh năm 2011

14. Cháu Nguyễn Thanh T2 – Sinh năm 2015

(Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thanh T1, Nguyễn Thanh T2 là anh Nguyễn Anh T và chị Đào Thúy L) .

15. Anh Nguyễn Anh T – Sinh năm 1983; vắng mặt .

16. Chị Lương Thanh T – Sinh năm 1985; vắng mặt .

17. Cháu Nguyễn Phương M – Sinh năm 2014 (Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Phương M là chị Lương Thanh T) .

18. Cháu Nguyễn Quỳnh T – Sinh năm 2017;

(Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Quỳnh T là anh Nguyễn Anh T và chị Lương Thanh T) .

19. Bà Nguyễn Kim A – Sinh Năm 1960; vắng mặt .

Cùng trú tại: phường B, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn trình bày:***

Ngày 07/05/2014, Công ty D đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0008/2014/806 ngày 07/05/2014 để vay tiền của Ngân hàng N. Cụ thể như sau:

1. Khoản vay theo Giấy nhận nợ số 0008-01/2014/806 ký ngày 13/05/2014

- Số tiền vay: 1.362.427.608 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm linh tám đồng);

- Thời hạn vay: 05 tháng (từ ngày 13/05/2014 đến ngày 13/10/2014);

- Mục đích vay: Thanh toán các hóa đơn GTGT cho Công ty S;

- Lãi suất: 12,5%/năm.

2. Khoản vay theo Giấy nhận nợ số 0008–02/2014/806 ngày 20/05/2014

- Số tiền vay: 1.478.889.307 đồng (Một tỷ bốn trăm bảy mươi tám triệu tám trăm tám mươi chín nghìn ba trăm linh bảy đồng);

- Thời hạn vay: 05 tháng (từ ngày 20/05/2014 đến ngày 20/10/2015);

- Mục đích vay: Thanh toán hóa đơn GTGT cho Công ty M.

- Lãi suất: 12.5%/năm.

3. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85-3, tờ bản đồ số 8E-III-13, địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 447578, vào sổ cấp GCN số 5263.2001.QĐUB.28995.2001 do Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2007. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0008/2014/806-BĐ ngày 07/05/2014 (Số công chứng 2230.2014/HĐTC ngày 07/5/2014 tại Phòng Công chứng số 4 thành phố Hà Nội).

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để Công ty D trả nợ, nhưng Công ty D vẫn không thực hiện, đồng thời có biểu hiện bất hợp tác, tìm cách lẩn tránh và không thiện chí giải quyết nợ vay với Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 10/6/2022, Công ty D còn nợ Ngân hàng N số tiền là: 7.026.452.201 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.841.316.915 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 21.224.617 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 4.133.632.152 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 30.278.517 đồng;

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, Ngân hàng N đề nghị Tòa án buộc:

- Công ty D phải thanh toán ngay cho Ngân hàng N toàn bộ số nợ gốc và lãi vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng N với Công ty D, tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/6/2022 là: 7.026.452.201 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc: 2.841.316.915 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 21.224.617 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 4.133.632.152 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi: 30.278.517 đồng;

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty D vẫn phải chịu lãi suất quá hạn, phạt chậm trả lãi theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ

Khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty D vẫn không trả nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức, Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85-3, tờ bản đồ số 8E-III-13, địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 447578, vào sổ cấp GCN số 5263.2001.QĐUB.28995.2001 do Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2007, để thu hồi nợ theo đúng quy định trong Hợp đồng thế chấp tài sản cũng như quy định của pháp luật.

Nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp mà vẫn không đủ trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi các tài sản khác của Công ty D đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

Ngoài các yêu cầu trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

**** Bị đơn - Công ty D trình bày:***

Công ty D xác nhận ngày 07/05/2014, Công ty D đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0008/2014/806 ngày 07/05/2014 để vay tiền của Ngân hàng N. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty vay vốn theo 02 giấy nhận nợ như nguyên đơn trình bày.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85-3, tờ bản đồ số 8E-III-13, địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 447578, vào sổ cấp GCN số 5263.2001.QĐUB.28995.2001 do Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2007. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) số 0008/2014/806-BĐ ngày 07/05/2014 (Số công chứng 2230.2014/HĐTC ngày 07/5/2014 tại Phòng Công chứng số 4 thành phố Hà Nội).

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do có khó khăn trong kinh doanh nên Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh, cụ thể tạm tính đến ngày 10/6/2022, Công ty D còn nợ Ngân hàng N số tiền là:

+ Nợ gốc: 2.841.316.915 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn: 21.224.617 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn: 4.133.632.152 đồng;

Hiện tại Công ty D rất khó khăn về tài chính và mong muốn Ngân hàng chia sẻ khó

khăn, tạo điều kiện để bên thế chấp được bán tài sản thế chấp trả nợ gốc cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ nợ lãi cho Công ty D.

Trong trường hợp Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thực hiện việc thu hồi khoản nợ.

Ngoài các ý kiến trên, bị đơn không còn ý kiến nào khác. Bị đơn không có yêu cầu phản tố trong vụ án này.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V trình bày: Ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V xác nhận có thế chấp tài sản (theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0008/2014/806-BĐ ngày 07/05/2014, số công chứng 2230.2014/HĐTC ngày 07/5/2014 tại Phòng Công chứng số 4 thành phố Hà Nội). Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85-3, tờ bản đồ số 8E-III-13, địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 447578, vào sổ cấp GCN số 5263.2001.QĐUB.28995.2001 do Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội cấp ngày 14/12/2007 đứng tên ông Nguyễn Hồ Q. Ngày 29/8/2013 chuyển nhượng lại cho ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thứ ba là Công ty D tại Ngân hàng N. Nay Công ty D đang khó khăn về tài chính nên đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để ông M và bà V được bán tài sản thế chấp trả nợ gốc cho Ngân hàng và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ nợ lãi cho Công ty D.

Trong trường hợp Công ty D vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết nêu trên thì ông M và bà V đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thực hiện việc thu hồi khoản nợ.

Ngoài các ý kiến trên, ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V không còn ý kiến nào khác và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

- Ông Nguyễn Hồ Q, bà Vũ Thị Thanh V, anh Nguyễn Anh T, chị Lương Thu H, cháu Nguyễn Minh H, cháu Nguyễn Thanh H, chị Nguyễn Thị Thanh H, cháu Nguyễn Thùy L, anh Nguyễn Anh T, chị Đào Thúy L, cháu Nguyễn Thanh T1, cháu Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Anh T, chị Lương Thanh T, cháu Nguyễn Phương M, cháu Nguyễn Quỳnh T và bà Nguyễn Kim A: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên và người đại diện theo pháp luật của họ, tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án họ đều vắng mặt, không có lý do, nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 21/9/2022 Toà án nhân dân quận Cầu Giấy đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty D.

Buộc Công ty D phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 0008/2014/806 ngày 07/05/2014 đã ký, tạm tính đến ngày 20/9/2022 là: 7.148.598.498 đồng (trong đó: nợ gốc 2.841.316.915 đồng, nợ lãi trong hạn: 21.224.617 đồng, lãi quá hạn: 4.286.056.966 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm Công ty D còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng N về số tiền phạt chậm trả lãi 31.417.130 đồng đối với Công ty D.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty D không thanh toán khoản nợ trên, thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85-3, tờ bản đồ số 8E-III-13, địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 447578, vào sổ cấp GCN số 5263.2001.QĐUB.28995.2001 do Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội cấp ngày 14/02/2017 đứng tên ông Nguyễn Hồ Q. Ngày 29/8/2013, đăng ký chuyển nhượng cho ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hà Nội. Tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0008/2014/806-BĐ ngày 07/05/2014 (Số công chứng 2230.2014/HĐTC ngày 07/5/2014 tại Phòng Công chứng số 4 thành phố Hà Nội).

Trường hợp tài sản không đủ để thanh toán khoản nợ trên thì Công ty D phải thanh toán đủ số tiền còn thiếu.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 29/9/2022 ông Nguyễn Hồ Q và bà Vũ Thị Thanh V có đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét lại phần nội dung liên quan đến Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu của gia đình. Ông, bà không chấp nhận xử lý tài sản của gia đình để trả nợ Ngân hàng.

Ngày 4/10/2022 Công ty D, ông Tôn Thất M, bà Dương Khánh V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án. Tuy nhiên Tôn Thất M, bà Dương Khánh V không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đến nay chỉ còn số tiền lãi còn lại là 3.148.598.498 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm ông M đã nộp 04 tỷ đồng mục đích để giải quyết xong toàn bộ số nợ với Ngân hàng. Ý chí của công ty đề nghị Ngân hàng miễn số tiền nợ lãi còn lại nhưng Ngân hàng không hỗ trợ giải quyết. Ngân hàng nhận 04 tỷ đồng chỉ trừ vào số tiền nợ và không miễn giảm lãi cho Công ty. Hiện Công ty khó khăn, không còn khả năng trả nợ. Đề nghị HĐXX xem xét

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người kháng cáo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hồ Q và bà Vũ Thị Thanh V là người kháng cáo nhưng vắng mặt lần thứ 2 coi như từ bỏ kháng cáo. Đề nghị HĐXX đình chỉ kháng cáo của ông Q, bà V.

Xét kháng cáo của Công ty D: Tại phiên toà Ngân hàng đã rút một phần yêu cầu khởi kiện do Công ty đã trả xong nợ gốc, lãi trong hạn và một phần lãi quá hạn. Rút yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là nhà, đất tại phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Ngân hàng chỉ còn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi quá hạn còn lại là 3.148.598.498 đồng.

Hợp đồng tín dụng được Ngân hàng và Công ty D ký kết là hợp pháp nên có giá trị thực hiện. Lãi suất các bên thoả thuận 12,5%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng áp dụng lãi suất theo đúng quy định của hợp đồng và phù hợp với pháp luật nên Công ty D phải trả số tiền lãi như Ngân hàng yêu cầu là có căn cứ

Đề nghị HĐXX: Áp dụng điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự:

- Không Chấp nhận Kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm do Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện.

- Án phí xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: ông Nguyễn Hồ Q, bà Vũ Thị Thanh V có đơn kháng cáo và Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông, bà tham gia phiên toà nhưng 02 lần mở phiên toà, ông bà đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồ Q, bà Vũ Thị Thanh V.

Ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V có kháng cáo nhưng không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Ngày 4/1/2023 Toà án nhân dân quận Cầu Giấy có thông báo số 01/TB-TA trả lại đơn kháng cáo của ông Tôn Thất M, bà Dương Khánh V. Theo quy định tại khoản 2 điều 276 Bộ luật tố tụng dân sự, việc không nộp tạm ứng án phí được coi là từ bỏ kháng cáo. Vì vậy kháng cáo của ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V không được xem xét.

[2]. Tại phiên toà phúc thẩm, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

- Rút yêu cầu đòi nợ gốc: 2.841.316.915 đồng

- Rút yêu cầu đòi nợ lãi trong hạn: 21.224.617 đồng

- Rút yêu cầu đòi nợ lãi quá hạn: 1.137.458.468 đồng

- Rút yêu cầu xử lý Tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên.

Ngân hàng đề nghị Toà án buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn còn lại là 3.148.598.498 đồng.

[3]. Bị đơn đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó bị đơn thay đổi yêu cầu kháng cáo đề nghị Toà án không chấp nhận số tiền lãi quá hạn bởi việc tính lãi của Ngân hàng là quá cao. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng 04 tỷ đồng để Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nhưng Ngân hàng chỉ đối trừ số nợ thực tế mà không miễn giảm lãi cho bị đơn. Nay Ngân hàng vẫn yêu cầu Công ty phải trả số tiền lãi quá hạn còn lại nên Công ty không đồng ý.

[4]. Xét kháng cáo của Công ty D

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0008/2014/806 ngày 7/5/2014 được Ngân hàng N và Công ty D (viết tắt là Công ty D) được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D số tiền 2.841.316.915 đồng theo 02 khế ước nhận nợ. Lãi suất được các bên thoả thuận 12,5%/năm. Lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Do Công ty D không trả nợ theo cam kết nên Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn của khoản vay theo giấy nhận nợ số 0008-01/2014/806 từ ngày 13/10/2014 và Khoản vay theo Giấy nhận nợ số 0008–02/2014/806 từ ngày 20/10/2014. Kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng áp dụng mức lãi suất 18,75% (12,5x150%) là phù hợp với thoả thuận tại hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nên được chấp nhận. Số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 20/9/2022 là 4.286.056.966 đồng bị đơn đã thanh toán 1.137.458.468 đồng. Số tiền lãi còn nợ là 3.148.598.498 đồng Ngân hàng yêu cầu bị đơn phải thanh toán là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện Ngân hàng đã rút một phần, bị đơn đồng ý với việc rút yêu cầu này. Do đó HĐXX đình chỉ phần khởi kiện nguyên đơn đã rút và sửa bản án sơ thẩm do nguyên đơn thay đổi giảm số tiền lãi quá hạn.

Do sửa án sơ thẩm nên Công ty D - Hà Nội không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ông Nguyễn Hồ Q và bà Vũ Thị Thanh V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ quy định tại điều 12 Nghị quyết 326 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, ông, bà được miễn án phí.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 342,343, 344, 355 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 296, 308,309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 39/2022/KDTM-ST ngày 21/9/2022 của Toà án nhân dân quận Cầu Giấy

1. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hồ Q và bà Vũ Thị Thanh V

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N buộc Công ty D phải trả số tiền nợ gốc 2.841.316.915 đồng; nợ lãi trong hạn: 21.224.617 đồng; nợ lãi quá hạn: 1.137.458.468 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0008/2014/806 ngày 07/05/2014; Giấy nhận nợ số 0008-01/2014/806 ngày 13/05/2014 và Giấy nhận nợ số 0008–02/2014/806 ngày 20/05/2014.

3. Buộc Công ty D - Hà Nội phải trả Ngân hàng N số tiền nợ lãi quá hạn tính đến ngày 20/9/2022 là: 3.148.598.498 đồng.

4. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đề nghị xử lý tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 85-3, tờ bản đồ số 8E-III-13, địa chỉ: phường B, quận T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 447578, vào sổ cấp GCN số 5263.2001.QĐUB.28995.2001 do Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất thành phố Hà Nội cấp ngày 14/02/2017 đứng tên ông Nguyễn Hồ Q. Ngày 29/8/2013, đăng ký chuyển nhượng cho ông Tôn Thất M và bà Dương Khánh V.

5. Về án phí:

Công ty D phải chịu 94.972.000 đồng án phí KDTM sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0019141 ngày 04/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Công ty D còn phải nộp 92.972.000 đồng.

Ông Nguyễn Hồ Q và bà Vũ Thị Thanh V được miễn án phí phúc thẩm. Hoàn trả ông, bà mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0018889; AA/2020/0018888 cùng ngày 03/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội..

Ngân hàng N không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng số tiền 56.620.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003309 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND quận Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS TP Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh